

PHỤ LỤC

**PHÂN KHAI KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2020
HỖ TRỢ CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI - HUYỆN HOÀI NHƠN**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn)	Quy mô đầu tư xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/ Dự toán xây dựng	Phân khai vốn theo Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
I	Huyện Hoài Nhơn					16.440,0
1	Xã Hoài Châu Bắc					1.096,0
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>					
a	Mở rộng tuyến đường từ Ngã tư Quy Thuận-Hoài Châu	Quy Thuận, Liễu An Nam	2000m	2016	1.967	256,0
b	Thảm bê tông nhựa tuyến đường từ Ngã tư Quy Thuận đi Hoài Châu	Quy Thuận, Liễu An Nam	2000m	2018	2.238	114,0
	<i>Tiêu chí 3: Thủy lợi</i>					
c	Tuyến mương từ mã bà Bi đến Đồng ống đến Bến Đò-Bình Đê	Bình Đê	235,7m	2019	226	45,0
d	Tuyến mương từ ruộng ông Nhành đến ruộng ông Tân- Liễu An	Liễu An	200m	2019	128	26,0
đ	Tuyến mương từ mầu Hào đến ngõ Hùng – Bình Đê	Bình Đê	154m	2019	112	22,0
e	Tuyến mương từ cống thượng lưu đập Ông Khéo đến nhà bà Đường – Gia An Đông	Gia An Đông	600,45m	2019	504	101,0
g	Tuyến kênh từ cống ruộng ông Măng đến Đồng Nhỏ - Quy Thuận.	Quy Thuận	600,45m	2019	856	171,0
h	Tuyến kênh từ Bình Điện đến gò Mả Giá- Tuy An	Tuy An	234,86m	2019	433	87,0
i	Tuyến kênh từ cống Ngõ Ngộ đến Gò Đu- Tuy An	Tuy An	476,21m	2019	440	88,0

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn)	Quy mô đầu tư xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/ Dự toán xây dựng	Phân khai vốn theo Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
k	Tuyến mương từ ruộng Ba Đầu đến Lô Chà	Gia An Nam	905m	2017	1.228	186,0
2	Xã Hoài Châu					1.096,0
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>					
a	Tuyến mở rộng đường đi trung tâm xã Hoài Châu	H Châu	2,5 km	2018-2019	3.041	365,0
b	Cầu mương Cái, xã Hoài Châu huyện Hoài Nhơn	H Châu	L=20m; R=7,5m, 2 nhịp	2019	6.490	500,0
c	Thảm nhựa Tuyến đường đi trung tâm xã Hoài Châu	H Châu	2,5 km	2019	2.829	231,0
3	Xã Hoài Đức					1.096,0
	<i>Tiêu chí 4: Điện</i>					
a	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường trung tâm xã Hoài Đức (Tuyến đường ĐT 630 đoạn từ QLIA cũ đến Cầu Phao)	xã Hoài Đức	Công trình dân dụng, cấp IV	2019	824	71,0
	<i>Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa</i>					
b	Nâng cấp sân vận động xã Hoài Đức	Thôn Lại Khánh	Dân dụng, cấp IV	2019	3.500	875,0
c	Nâng cấp trung tâm văn hóa xã Hoài Đức (giai đoạn 2)	Thôn Bình Chương Nam	Dân dụng, cấp IV	2019	657	150,0
4	Xã Hoài Hải					1.096,0
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>					
a	Thảm bê tông nhựa tuyến đường trục chính từ Buu điện đến trường mẫu giáo thôn Diêu Quang(L=2.050m)	Thôn KGN , Thôn KGT ,Thôn Diêu Quang	2050m	2020	3.962	700,0
	<i>Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm</i>					
b	Nghĩa trang nhân dân xã Hoài Hải	Thôn Diêu Quang	DT: 30.166 m2, 1.285 mộ	2019-2020	5.912	396,0
5	Xã Hoài Hảo					1.096,0

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn)	Quy mô đầu tư xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/ Dự toán xây dựng	Phân khai vốn theo Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>					
a	Thảm nhựa đường từ Ngã ba Chát đót - nghĩa trang liệt sỹ	Tân Thạnh 2-Tân Thạnh 1	Cấp IV, chiều dài 2.982,52m	2019	4.408	500,0
	<i>Tiêu chí 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</i>					
b	Xây dựng chợ cát Hoài hảo	Tân Thạnh 1	Dân dụng cấp III, diện tích	2019-2020	3.711	596,0
6	Xã Hoài Hương					1.096,0
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>					
a	Bê tông hóa đường giao thông tuyến từ nhà ông Trần Văn Tha đến giáp đường bê tông Ca Công	Ca Công Nam	Đường loại B dài 202m	2019	203	85,0
b	Bê tông GTNT tuyến từ nhà Bình đến nhà Chí	Thôn Thạnh Xuân.	Đường loại C dài 105m	2019	73	30,0
c	Bê tông GTNT tuyến Thượng từ giáp kè sông Lại Giang đến nhà Minh và đoạn nhánh rẽ	Thôn Thạnh Xuân.	Đường loại B dài 624,5m	2019	625	270,0
d	Bê tông GTNT tuyến từ nhà ông Đàm đến chợ Hoài Hương	Thôn Thạnh Xuân.	Đường loại C dài 285m	2019	198	80,0
đ	Bê tông GTNT tuyến từ Chùa Hương Sơn đến nhà ông Trai	Thôn Thạnh Xuân.	Đường loại B dài 220m	2019	221	90,0
e	Bê tông GTNT tuyến từ nhà ông Cường đến nhà Cẩn và đoạn nhánh rẽ nhà VH Ca Công Nam	Ca Công Nam	Đường loại C dài 245m	2019	171	70,0
g	Bê tông hóa mở rộng đường GTNT tuyến nhà Thôi đến UBND xã	Thôn Thiện Đức Đông	Đường loại C dài 204m	2019	266	110,0
h	Bê tông hóa mở rộng đường GTNT tuyến nhà Cường đến ngã 4 nhà Bình	Thôn Thiện Đức Đông	Đường loại C dài 164m	2019	172	75,0
i	Thảm bê tông nhựa tuyến đường từ ngã 3 nhà Kích đến ngã tư quán Phương và đoạn nhánh rẽ đến UBND xã Hoài Hương	Thôn Thiện Đức Đông	Đường cấp V, dài 1.031,2m, nền 9,5m, mặt đường 5,5m	2019	1.169	122,0
	<i>Tiêu chí 3: Thủy lợi</i>					

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn)	Quy mô đầu tư xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/ Dự toán xây dựng	Phân khai vốn theo Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
k	Kiên cố hóa kênh mương tuyến từ nhà ông Hồ đến quán Rạy	Thôn Nhuận An,	Kênh tưới 50x80 dài 221,4m	2019	360	71,0
l	Kiên cố hóa kênh mương từ đường bê tông (quán Rạy) đến nhà ông Niên	Thôn Nhuận An	Kênh tưới 50x50 dài 359,3m	2019	468	93,0
7	Xã Hoài Mỹ					1.096,0
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>					
a	Bê tông tuyến nội đồng: Nhà Trình- Hóc Cây (Định Trị)	Thôn Định Trị	1.050m	2020	1.050	500,0
b	Bê tông tuyến nội đồng: Nhà Tuấn đi Núi Gát (Khánh Trạch)	Thôn Khánh Trạch	500m	2020	500	220,0
c	Bê tông tuyến nội đồng: Nhà văn hóa thôn Mỹ Khánh- đường liên xã (Mỹ Khánh)	Thôn Mỹ Khánh	800m	2020	800	376,0
8	Xã Hoài Phú					1.096,0
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>					
a	Bê tông tuyến ngõ Quốc - đường Gia Long	Xã Hoài Phú	Dài 1,500m	2014	1.683	125,0
b	Bê tông tuyến đường tây tỉnh đến nghĩa trang bắc đập Gấm	Xã Hoài Phú	Dài 1,013m	2014	1.069	120,0
c	Bê tông tuyến đường từ ngõ Dị đến giáp bê tông Mỹ Bình 2	Xã Hoài Phú	Dài 667m	2019	641	233,0
	<i>Tiêu chí 3: Thủy lợi</i>					
d	Sửa chữa nâng cấp đập Bà Đá	Xã Hoài Phú	DT tưới 50 ha, 03 cửa chia nước	2020	1.172	230,0
	<i>Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa</i>					
đ	Sân vận động trung tâm xã (giai đoạn 2)	Xã Hoài Phú		2020	1.078	388,0
9	Xã Hoài Sơn					1.096,0
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>					
a	Mở rộng tuyến đường ngõ Bàng đến Nghĩa trang liệt Sĩ và từ nhà Binh đến Ngã Ba Đình	Hoài Sơn	Cải tạo mở rộng	2019	3.951	296,0

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn)	Quy mô đầu tư xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/ Dự toán xây dựng	Phân khai vốn theo Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
b	Thảm bê tông nhựa tuyến đường từ UBND xã đến giáp đường Tây tỉnh (ĐT638)	Hoài Sơn	1,3 km	2019	3.488	300,0
	<i>Tiêu chí 15: Y tế</i>					
c	Trạm y tế xã Hoài Sơn, huyện Hoài Nhơn	Hoài Sơn	XD mới	2019	4.736	500,0
10	Xã Hoài Tân					1.096,0
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>					
a	BT tuyến X1 Đê Đức 3 đến trường Mẫu giáo X1 An Dương 1	Đê Đức 3, An Dương 1	L=880,24m	2019	878	100,0
b	BT tuyến nội đồng Cải tạo đến nhà Bông thôn GH 2	Giao Hội 2	L=880,24m	2019	1.021	200,0
c	Nhựa hóa từ QL1A (chợ Bông đến kênh N1	Đê Đức 1	L=2000m	2020	3.600	496,0
	<i>Tiêu chí 3: Thủy lợi</i>					
d	Từ hồ Giao Hội đến Đồng Tam	Giao Hội 2	L=820m	2020	1.000	200,0
đ	Từ hồ Giao Hội đến Khai Sơn thôn Giao Hội 1	Giao Hội 1	L=480m	2020	800	100,0
11	Xã Hoài Thanh					1.096,0
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>					
a	Tuyến đường từ Trường Mẫu giáo đến nhà Tông, An Lộc 2 (nối dài)	An Lộc 2	0,8km	2019-2019	703	100,0
b	Bê tông GTNT, tuyến từ Chợ - nhà Thành, An Dinh 1	An Dinh 1	1,2km	2015-2015	1.569	234,0
c	Bê tông GTNT xã Hoài Thanh	Trường an 1- An Dinh 2	6,5km	2013-2014	8.149	400,0
	<i>Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa</i>					
d	Nhà Văn hóa, Thể thao, thôn Lâm Trúc 2	Lâm Trúc 2		2018-2018	670	135,0
đ	Tường rào, công nghệ Sân vận động Gò Đồng xã Hoài Thanh	Mỹ An 2	8085m ²	2018-2018	642	169,0
	<i>Tiêu chí 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</i>					
e	Chợ Gò dưa xã Hoài Thanh	An Lộc 2	Chợ hạn 3	2019-2020	6.001	58,0
12	Xã Hoài Xuân					1.096,0
	<i>Tiêu chí 3: Thủy lợi</i>					

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn)	Quy mô đầu tư xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/ Dự toán xây dựng	Phân khai vốn theo Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
	Bê tông kênh mương chính trạm bơm Song Khánh	Song Khánh	Cấp IV	6/2017-6/2019	7.552	1.096,0
13	Xã Tam Quan Bắc					1.096,0
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>					
	Mở rộng, nâng cấp thảm nhựa tuyến đường BTXM từ ngã 3 UBND xã đến giáp đường QL1A-gò dài thôn Dĩnh Thạnh	Tân Thành 1-Dĩnh Thạnh	L = 1100 m	2020	9.000	1.096,0
14	Xã Tam Quan Nam					1.096,0
	<i>Tiêu chí 02: Giao thông</i>					
a	BTGT: Tuyến từ nhà bà Phải- nhà ông Hạ (L=100m) CLĐ	Xã Tam Quan Nam	CT cấp IV; L=100m	2019	118	25,0
b	Tuyến từ nhà ông Bình- nhà ông Hồng (L=135m); Tuyến từ nhà ông Minh- nhà ông Hợp (L=180m); TL2	Xã Tam Quan Nam	L=180m	2019	233	31,0
c	Từ nhà ông Ánh- Đồng Sát Dầu (L=180m) từ nhà ông Thường- nhà bà Chức (L=264m); từ nhà Mười Đức- Công nghĩa trang Gò Bàu (L=148m) Từ nhà ông Loan- nhà Phương (L=70m) TH	Xã Tam Quan Nam	L=662m	2019	412	68,0
d	BTGT: Nhà ông Dũng- nhà ông Hiệp (L=595m) CLN	Xã Tam Quan Nam	L=595m	2019	411	66,0
đ	Tuyến đường liên xã QL1, đoạn Km 1132+800 đến Tỉnh lộ ĐT 639	Xã Tam Quan Nam	L=4362m	2018	14.967	906,0
15	Xã Hoài Thanh Tây					1.096,0
	<i>Tiêu chí 2: Giao thông</i>					
a	Tuyến đường từ Trạm xăng dầu số 7 đến nhà bà Tý thôn Tài Lương 2	Xã Hoài Thanh Tây		2018	873	236,0
b	Đường BTXM trục chính nội đồng xã Hoài Thanh Tây; Hạng mục: Tuyến từ ngõ Nguyễn Đức Liên đến mương N2 thôn Bình Phú	Xã Hoài Thanh Tây		2014	476	100,0
c	Mở mới tuyến từ Cầu ông Rân – Cầu Mương N1 đến đường Tây tỉnh thôn Ngọc Sơn Bắc	Xã Hoài Thanh Tây		2017	1.343	100,0

TT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng (tên thôn)	Quy mô đầu tư xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư/ Dự toán xây dựng	Phân khai vốn theo Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh
	<i>Tiêu chí 3: Thủy lợi</i>					
d	Bê tông kênh mương từ cống phân nước thôn Tài Lương 2 đến ruộng máy	Xã Hoài Thanh Tây	L=1004m	2017	1.246	197,0
đ	Tuyến từ ruộng Cựu Mạc đến sông Cạn thôn Ngọc An Đông	Xã Hoài Thanh Tây	L=842m	2018	909	135,0
e	BTKM tuyến từ sũng Đam đến Mũi Dùi thôn Bình Phú	Xã Hoài Thanh Tây	L=470	2018	954	155,0
g	BTKM tuyến từ cống ông Nãi đến cầu Dừa	Xã Hoài Thanh Tây	L=860	2016	1.061	173,0